**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN THẠNH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **70**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2023
V/v tranh chấp "Không công nhận vợ chồng"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

## NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Bà Hồ Thị Triết
- ***Các hội thẩm nhân dân***: Bà Phan Thị Cẩm Hồng
Ông Phạm Văn Vũ
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân Dân huyện Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "*Không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim Rảnh, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp An Ngãi A, xã AT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Mai Văn D, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp An Ngãi A, xã AT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/7/2023, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 15/11/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Rtrình bày:***

Vào năm 1992 bà Rvà ông Mai Văn D có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của họ hàng hai bên, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống có 03 con chung tên: Mai Hoàng Â, sinh năm 1993; Mai Hoàng D, sinh năm 1994 và Mai Thị Minh N, sinh năm 1995.

Nguyên nhân bà Rcó yêu cầu Tòa án không công nhận bà Rvới ông D là vợ chồng vì trong thời gian sống chung không hợp nhau thường xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã ly thân hơn 10 năm nay. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: bà Ryêu cầu Toà án không công nhận bà và ông Mai Văn D là vợ chồng.

Về con chung: 03 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***Theo bản tự khai ngày 27/10/2023; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 15/11/2023 bị đơn ông Mai Văn D trình bày:***

Ông D thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim Rvề thời gian cưới nhau, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn lại được, hai bên đã ly thân hơn 10 năm nay.

Việc bà Ryêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Rlà vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Mai Hoàng Â, sinh năm 1993; Mai Hoàng D, sinh năm 1994 và Mai Thị Minh N, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim Ryêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông Mai Văn D, do bị đơn sinh sống tại huyện Pnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Dhuyện Ptheo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dsự.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Rvà bị đơn ông Mai Văn D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dsự.

[3] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim Rvà ông Mai Văn D sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do việc sống chung không mang lại hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, hiện bà Rvà ông D đã ly thân hơn 10 năm nay và ông D cũng đã đồng ý chấm dứt mối quan hệ như vợ chồng với bà Rnên yêu cầu của bà Rlà có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận bà Rvà ông D là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Có 03 con chung Mai Hoàng Â, sinh năm 1993; Mai Hoàng D, sinh năm 1994 và Mai Thị Minh N, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Rvà ông D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc bà Rphải nộp 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dsự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim R. Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim Rvà ông Mai Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Mai Hoàng Â, sinh năm 1993; Mai Hoàng D, sinh năm 1994 và Mai Thị Minh N, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Rvà ông D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Rphải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0000358 ngày 24/10/2023. Như vậy án phí bà Rđã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Hồ Thị Triết**